

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 10 - 2024

“V/v tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đồng Ánh Đông.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Kia.

2. Ông Trần Văn Thảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2024 “Về việc tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/10/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị Như Q, sinh năm 1997. Địa chỉ: C Q, Khu phố G, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ A (nay là Tổ F), phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ, Thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị Như Q trình bày: Ngày 26/11/2016, chị Q và anh G đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Năm 2019, anh G bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” với mức hình phạt 07 năm tù, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ, Thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Qua thời gian dài không chung sống, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh G. Về con

chung: Chị Q và anh G không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 02/10/2024, bị đơn anh G trình bày: Anh G và chị Q đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn 26/01/2016. Về con chung: Anh G và chị Q không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nông Thị Như Q yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ A (nay là Tổ F), phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nông Thị Như Q và anh Nguyễn Ngọc G có đủ điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị Q và anh G đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị Q có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh G. Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và không có nguyện vọng được đoàn tụ với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh G là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh G.

[3] Về con chung: Chị Q và anh G không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Q và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn anh G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Như Q.

- *Về hôn nhân*: Chị Nông Thị Như Q được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc G.

- *Về án phí*: Chị Nông Thị Như Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0013162 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai; chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (29/10/2024), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt tại phiên tòa được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND phường T, TX. An  
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(*Đã ký*)  
**Đông Ánh Đông**